

Hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Tòa án và tăng trưởng kinh tế

Nguyễn Hưng Quang
quang@nhquang.com

8/2018

Nội dung

1

Phương pháp luận đánh giá
môi trường kinh doanh

I1

Yêu cầu của Nghị quyết 19 của
Chính phủ đối với hệ thống tư pháp

III

Đề xuất đối với hệ thống Tòa án để
cải thiện môi trường kinh doanh

Nội dung

1

Phương pháp luận đánh giá
môi trường kinh doanh

I1

Yêu cầu của Nghị quyết 19 của
Chính phủ đối với hệ thống tư pháp

III

Đề xuất đối với hệ thống Tòa án để
cải thiện môi trường kinh doanh

Nghị quyết 19 của Chính phủ

- Bắt đầu từ năm 2014, hàng năm Chính phủ đều ra nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh (MTKD) và năng lực cạnh tranh của Việt Nam, mục tiêu đặt ra tại mỗi nghị quyết hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam và động lực cải cách của mỗi ngành.
- Lấy đánh giá độc lập bên ngoài được coi là thông lệ và chuẩn mực làm cơ sở, làm căn cứ để đo lường và định vị MTKD và năng lực cạnh tranh.
- Sử dụng phương pháp luận Ngân hàng thế giới và Diễn đàn Kinh tế thế giới, áp dụng toàn cầu và dữ liệu theo thời gian để có thể so sánh được.
- Đánh giá MTKD dựa trên 10 chỉ số thành phần chính gắn với quá trình kinh doanh: (i) Khởi sự doanh nghiệp → (ii) Cấp phép xây dựng → (iii) Tiếp cận điện năng → (iv) Đăng ký sở hữu tài sản → (v) Tiếp cận tín dụng → (vi) Bảo vệ cổ đông thiểu số → (vii) Nộp thuế → (viii) Thương mại qua biên giới → (ix) Thực thi hợp đồng → (x) Giải quyết phá sản

Báo cáo Doing Business (Ngân hàng Thế giới) đo lường 11 lĩnh vực trong môi trường kinh doanh

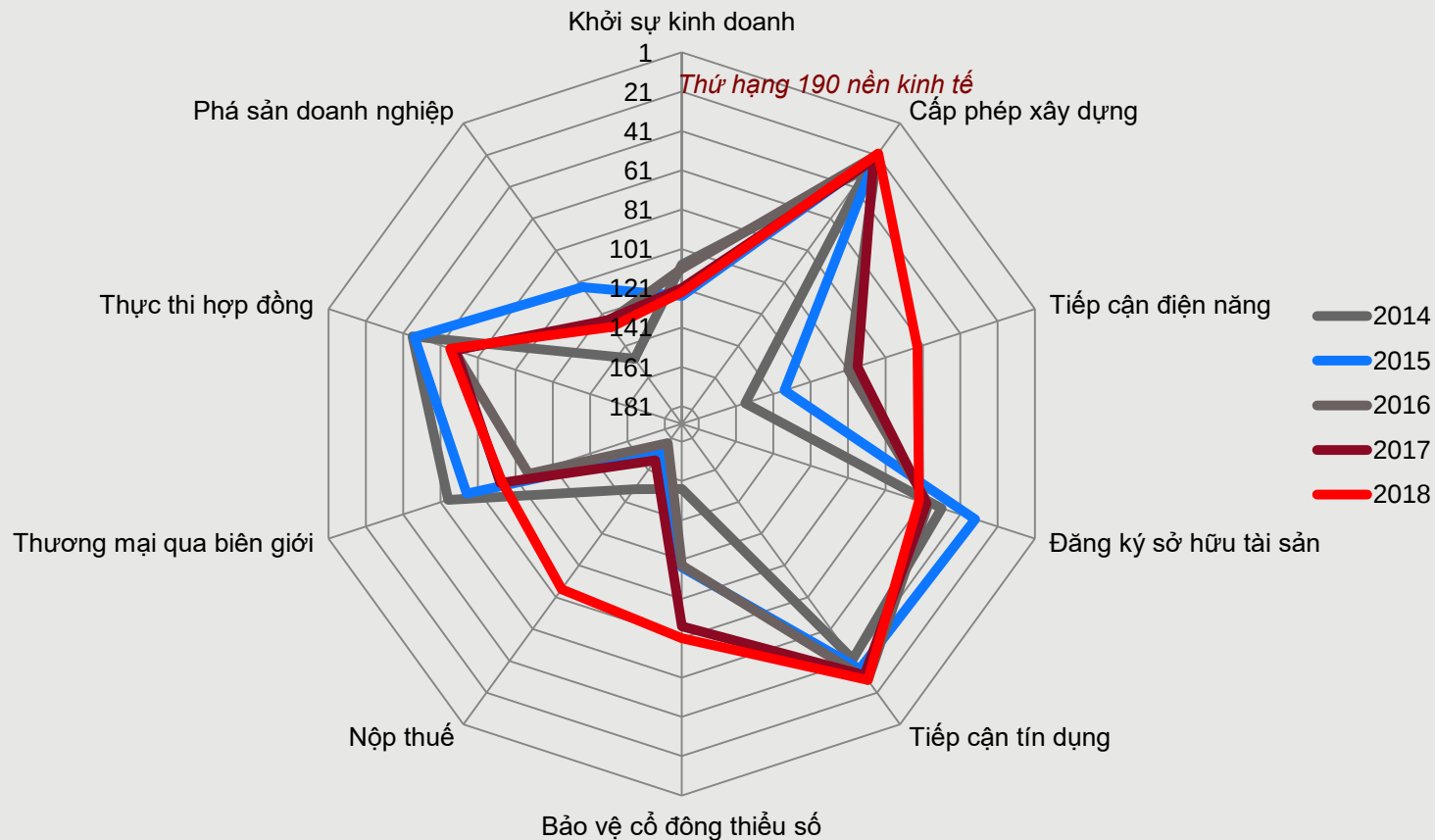
Nhóm chỉ số đo lường mức độ phức tạp và chi phí tuân thủ các quy định pháp lý

1. Khởi sự kinh doanh	Số lượng thủ tục, thời gian, chi phí và yêu cầu về vốn tối thiểu
2. Cấp phép xây dựng	Số lượng thủ tục, thời gian và chi phí hoàn thành tất cả các thủ tục xây dựng nhà xưởng
3. Tiếp cận điện năng	Số lượng thủ tục, thời gian và chi phí để được kết nối điện, giá điện và độ ổn định của nguồn điện
4. Đăng ký sở hữu tài sản	Số lượng thủ tục, thời gian và chi phí chuyển nhượng tài sản, mức độ tin cậy, tính minh bạch của hệ thống quản lý đất đai, độ bao phủ về mặt địa lý trong đăng ký đất đai, và giải quyết tranh chấp về đất đai
5. Nộp thuế và BHXH	Số lần nộp, thời gian nộp thuế, hoàn thuế, thanh tra thuế và khiếu nại thuế và BHXH, và thuế suất và tỷ lệ nộp BHXH
6. Giao dịch thương mại qua biên giới	Số lượng hồ sơ, thời gian và chi phí thực hiện các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới

Nhóm chỉ số thể hiện quy định pháp lý thuận lợi hơn đối với sự phát triển của khu vực tư nhân

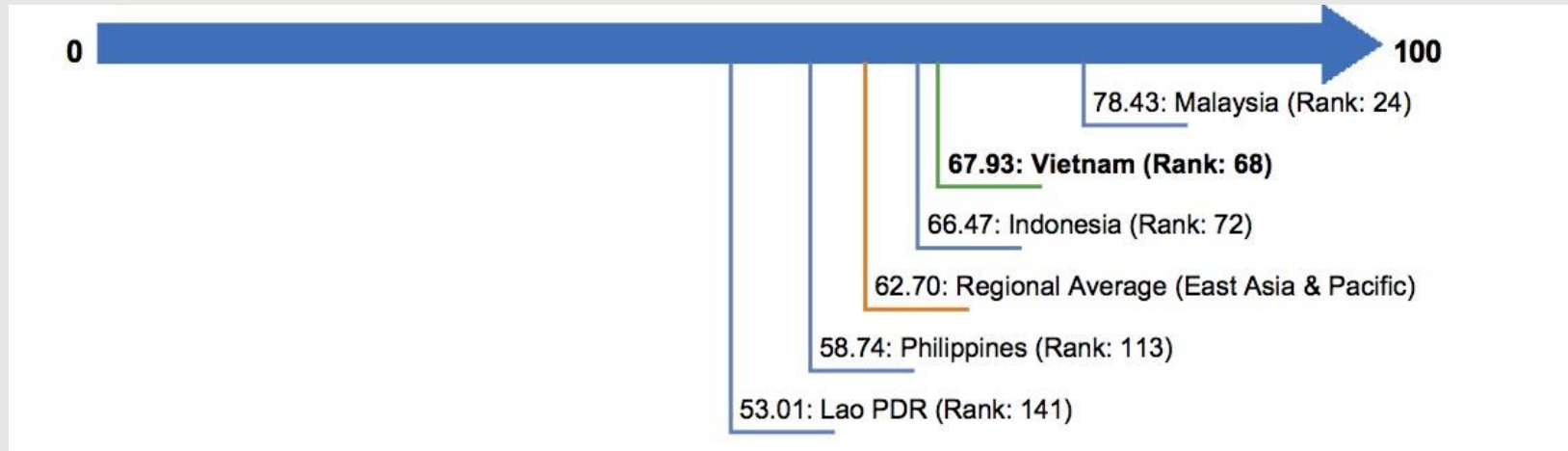
7. Tiếp cận tín dụng	Pháp luật về tài sản thế chấp và hệ thống thông tin tín dụng
8. Bảo vệ cổ đông thiểu số	Quyền của cổ đông thiểu số trong quan hệ giao dịch với các bên liên quan và trong quản trị doanh nghiệp
9. Thực thi hợp đồng	Số lượng thủ tục, thời gian và chi phí giải quyết tranh chấp hợp đồng thông qua tòa án
10. Giải quyết phá sản doanh nghiệp	Thời gian, chi phí, kết quả và mức độ phục hồi của doanh nghiệp trong giải quyết phá sản; và hiệu quả của khung khổ pháp lý về giải quyết phá sản doanh nghiệp
11. Quy định về thị trường lao động	Mức độ linh hoạt trong quy định về việc làm, quyền của người lao động và giải quyết tranh chấp về lao động

Môi trường kinh doanh Việt Nam (2014-2018)



Môi trường kinh doanh Việt Nam (2018)

Khoảng cách tới quốc gia tốt nhất (100 điểm)



Rank = thứ hạng

Nội dung

1

Phương pháp luận đánh giá
môi trường kinh doanh

I1

Yêu cầu của Nghị quyết 19 của
Chính phủ đối với hệ thống tư pháp

III

Đề xuất đối với hệ thống Tòa án để
cải thiện môi trường kinh doanh

Nghị quyết 19 yêu cầu...

- Sử dụng các khảo sát quốc tế để so sánh “ta” với “ta” theo thời gian; so sánh Việt Nam với khu vực và quốc tế; xác định điểm mạnh và điểm yếu của Việt Nam;
- Lấy mức trung bình về MTKD của khu vực ASEAN (ASEAN 6 và ASEAN 4) làm mục tiêu phải đạt được;
- Xác định khoảng cách cụ thể giữa mức độ hiện tại và mục tiêu để:
 - Xác định giải pháp, quy mô và mức độ của các giải pháp tương ứng;
 - Hành động giải pháp cụ thể đối với vấn đề cần giải quyết.
- Tổ chức thực hiện
 - Phân công cụ thể đối với các Bộ, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện;
 - Bộ KHĐT được giao thường xuyên theo dõi, đánh giá và định kỳ quý báo cáo Chính phủ;
 - Bộ Tư pháp thường xuyên được giao trách nhiệm nâng cao chất lượng của các chỉ số Thực thi hợp đồng và Giải quyết phá sản), như chất lượng thi hành án, phát triển luật sư, trọng tài, hoà giải...
 - Thủ tướng rất quan tâm, chỉ đạo sát sao; làm việc với từng bộ, thậm chí trực tiếp với đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp; chỉ đạo giải quyết ngay các vướng mắc;
 - V.v....
- Toà án nhân dân tối cao là cơ quan được đề nghị phối hợp với các hoạt động nâng cao các chỉ số Thực thi hợp đồng và Giải quyết phá sản.

Nghị quyết 19/2014

Trong giai đoạn 2014 - 2015 tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, giảm chi phí hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước. Phần đầu đến hết năm 2015 đạt mức trung bình của nhóm nước ASEAN-6. Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp xuống còn tối đa 30 tháng.

– Bộ Tư pháp:

- Rà soát, hệ thống hóa các quy định pháp luật nói chung, các quy định liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nói riêng phù hợp với nội dung, tinh thần Hiến pháp năm 2013;
- Rà soát, đánh giá và có ý kiến góp ý về quy trình giải quyết tranh chấp hợp đồng nói riêng và tranh chấp dân sự nói chung theo hướng giảm thủ tục, giảm thời gian, giảm chi phí giải quyết tranh chấp hợp đồng đối với những vụ việc đơn giản.

.....

Với nhiều nguyên nhân: Nhiều mục tiêu của Nghị quyết 19/2014 đã không đạt được

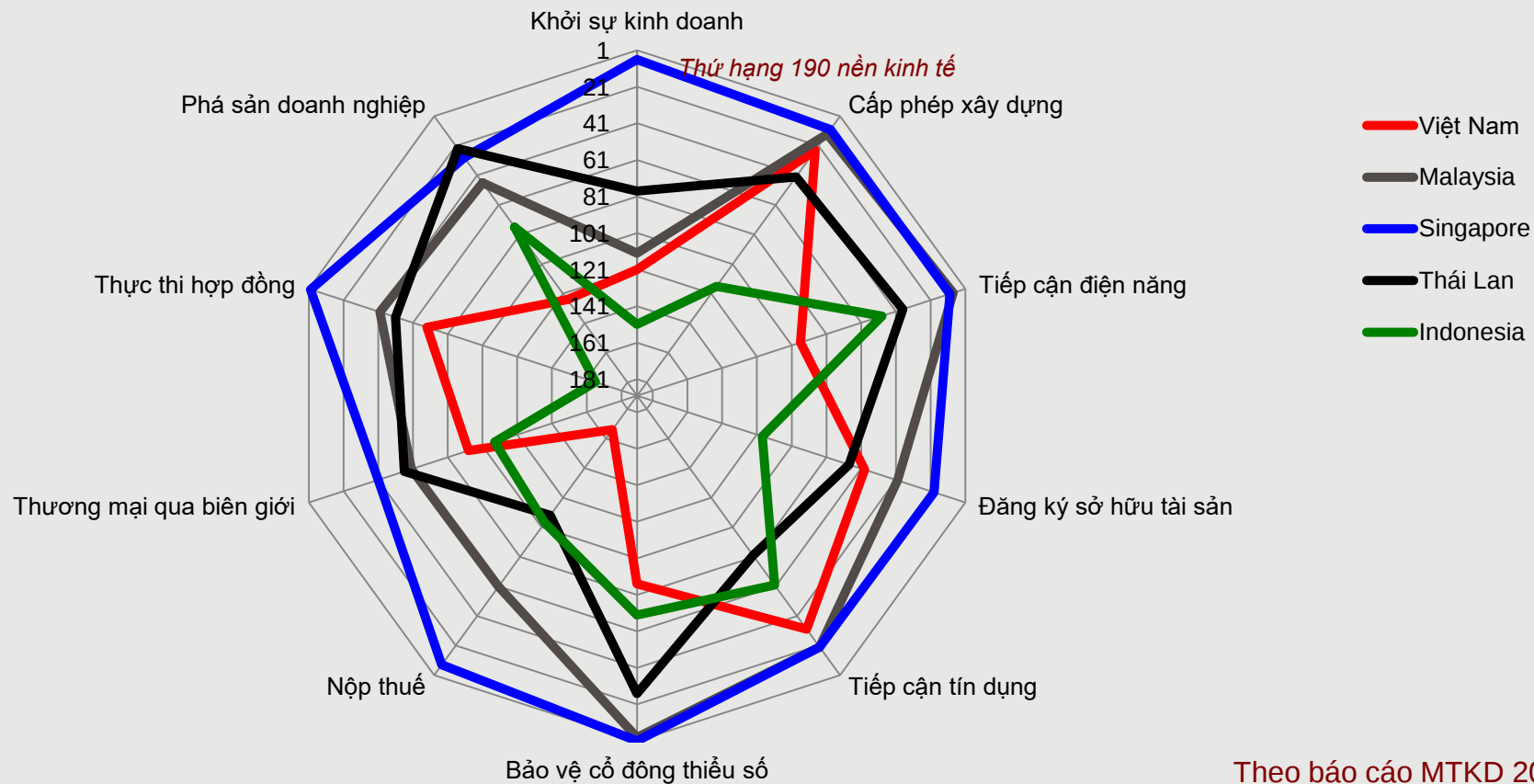
Nghị quyết 19/2015

- Năm 2016, phần đầu chỉ số MTKD của Việt Nam tối thiểu đạt mức trung bình của nhóm nước ASEAN-4 trên một số chỉ tiêu chủ yếu theo thông lệ quốc tế.
- Các Bộ, cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với **Tòa án nhân dân tối cao** trong quá trình hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến việc tranh chấp thương mại và phá sản doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp thương mại xuống còn tối đa 200 ngày (hiện nay là 400 ngày) và 24 tháng (hiện nay là 60 tháng), nhất là đối với các tranh chấp quy mô nhỏ và giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua Tòa án.
- Xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Phá sản theo hướng bảo đảm việc giải quyết phá sản được nhanh chóng, chuyên nghiệp; xử lý tài sản công khai, minh bạch.
- Bộ Tư pháp: Rà soát, đơn giản thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp thương mại, nhất là các tranh chấp quy mô nhỏ, tranh chấp giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thông qua Tòa án xuống còn tối đa 200 ngày.

Nghị quyết 19/2016

- Mục tiêu đến năm 2020, MTKD và năng lực cạnh tranh đạt mức trung bình của các nước ASEAN 3 trên một số chỉ tiêu thông lệ quốc tế.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 - Đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về doanh nghiệp về những doanh nghiệp đã và đang giải quyết thủ tục phá sản, danh sách các quản tài viên trên toàn quốc.
- Bộ Tư pháp:
 - Phối hợp với **Tòa án nhân dân tối cao** hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến thực thi Bộ luật TTDS, Luật Phá sản để đẩy nhanh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian. Hướng dẫn thực hiện Luật THADS.
 - Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan tới thi hành án dân sự theo hướng bỏ quy định niêm yết tại địa điểm của bất động sản bán đấu giá; bổ sung quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản đã bán đấu giá với thủ tục đơn giản, tạo thuận lợi cho công tác thi hành án.
 - Hoàn thiện các quy định về thừa phát lại để thúc đẩy phát triển mạng lưới thừa phát lại trên toàn quốc. Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án **và hành chính tư pháp của toà án**.
 - Xây dựng các điều kiện, tiêu chí rõ ràng, minh bạch đối với quản tài viên khi hành nghề. Phát triển đội ngũ quản tài viên cả về số lượng và chất lượng; đơn giản hoá thủ tục hành chính về cấp thẻ quản tài viên.
- Đề nghị **Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**:
 - Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi Bộ luật TTDS, Luật phá sản để các quy định này sớm áp dụng trên thực tế; đề nghị triển khai các mô hình tiếp nhận đơn khởi kiện, tổng đạt, thông báo quá trình tổ tụng và lịch xét xử và giải quyết phá sản trực tuyến cho các tòa án địa phương.

Môi trường kinh doanh Việt Nam và ASEAN 4 (kết quả 2016)



Theo báo cáo MTKD 2017

Nghị quyết 19-2017/NQ-CP

Các chỉ tiêu về MTKD tối thiểu đạt mức trung bình của nhóm nước ASEAN 4 trên một số chỉ tiêu, trong đó:

Thời gian Giải quyết tranh chấp hợp đồng tối đa 300 ngày (hiện nay là 400 ngày);

Thời gian Giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp xuống còn tối đa 30 tháng (hiện nay là 60 tháng)

– Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, xây dựng trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản nhằm cải thiện chỉ số phá sản doanh nghiệp theo đúng mục tiêu đã định.
- Đăng tải danh sách doanh nghiệp đã và đang giải quyết thủ tục phá sản trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- Phối hợp với Bộ Tư pháp đăng tải danh sách các quản tài viên trên toàn quốc.

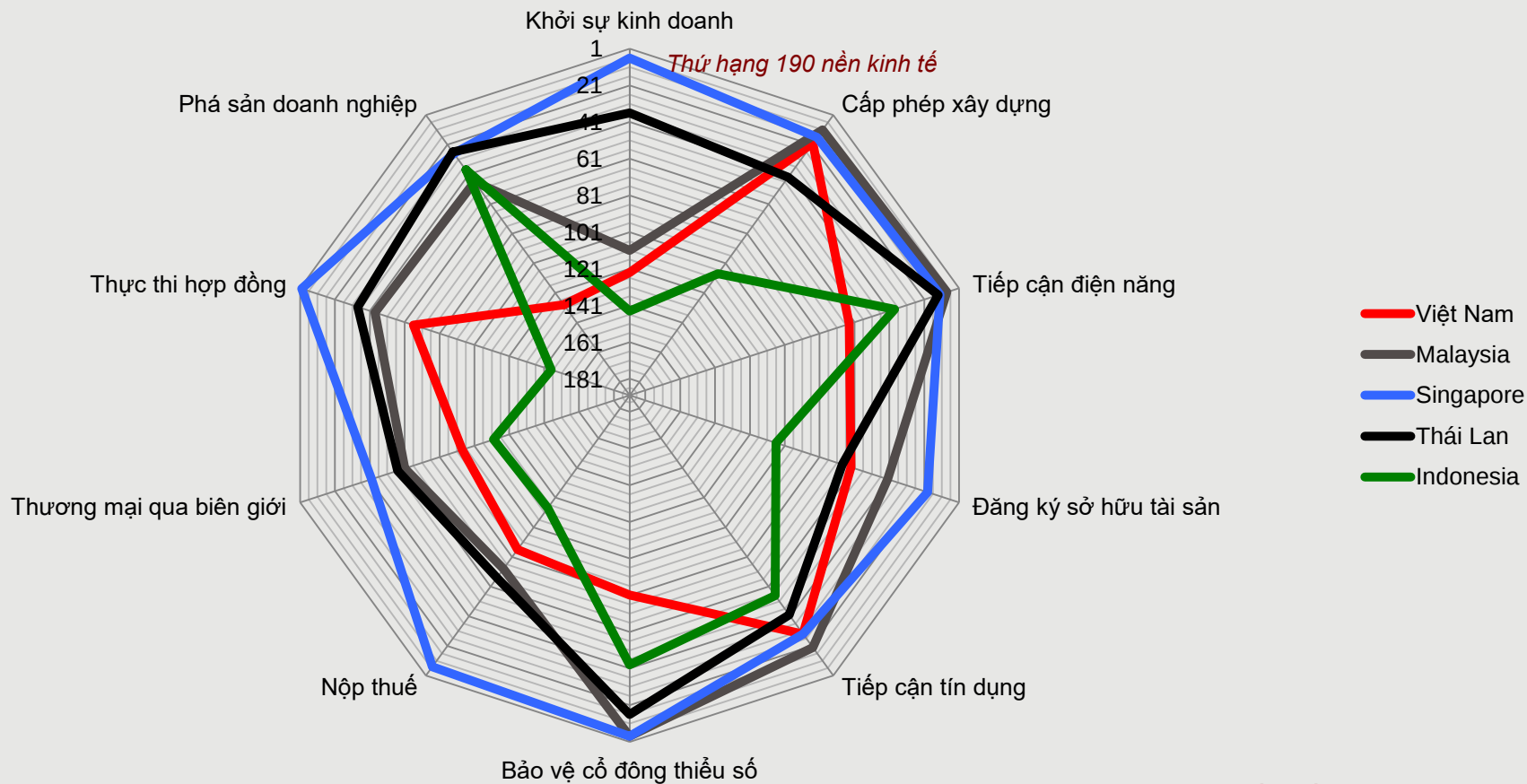
– Bộ Tư pháp:

- Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến thực thi Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đẩy nhanh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng theo hướng đơn giản hóa quy trình, nội dung hồ sơ, bãi bỏ hồ sơ, thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian, giảm chi phí giải quyết tranh chấp thương mại.
- Nghiên cứu ban hành hoặc kiến nghị ban hành các quy định pháp luật về hòa giải thương mại và tạo lập cơ chế thúc đẩy phương thức giải quyết tranh chấp qua hòa giải thương mại.
- Thúc đẩy phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài và luật sư, nhất là luật sư chuyên sâu về thương mại.

Nghị quyết 19-2017/NQ-CP (tiếp...)

- Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:
 - Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi Bộ luật TTDS, Luật phá sản để các quy định này sớm áp dụng trên thực tế.
 - Nghiên cứu áp dụng mô hình “hành chính tư pháp một cửa” tại các cấp tòa án; áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn đối với các vụ án có giá trị nhỏ; hoàn thiện mô hình “tòa án điện tử”, triển khai các mô hình tiếp nhận đơn khởi kiện, tổng đạt, thông báo quá trình tố tụng và lịch xét xử và giải quyết phá sản trực tuyến cho các tòa án địa phương.
 - Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ phát triển hoạt động của trọng tài và hòa giải thương mại, như: (i) hạn chế can thiệp vào nội dung giải quyết vụ án trong các phán quyết trọng tài; (ii) tạo điều kiện công nhận và cho thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài; (iii) công nhận quyết định hòa giải thành của các bên ngoài tòa án.
 - Nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại, phá sản doanh nghiệp; công khai các hoạt động giải quyết vụ án của tòa án và công khai các bản án.
 - Cung cấp thông tin về những doanh nghiệp đã và đang thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp để Bộ Kế hoạch và Đầu tư đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:
 - Thực hiện cải cách TTHC tư pháp theo đúng tinh thần của Bộ luật TTDS, Luật phá sản; rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án theo yêu cầu của Nghị quyết; hỗ trợ hoạt động của tòa án, cơ quan thi hành án, thừa phát lại, luật sư; phát triển về số lượng và chất lượng quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương; công khai thông tin đầy đủ, kịp thời về đội ngũ luật sư, quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trên địa bàn.

Môi trường kinh doanh Việt Nam và ASEAN 4 (kết quả 2017)



Theo báo cáo MTKD 2018

Nghị quyết 19-2018/NQ-CP

Mục tiêu:

- Tiếp tục bám sát các tiêu chí đánh giá về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, về năng lực cạnh tranh của Diễn đàn Kinh tế thế giới, về năng lực đổi mới sáng tạo của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới, về Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc. Kiên định các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết 19-2016/NQ-CP và Nghị quyết 19-2017/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; đến năm 2020, chất lượng môi trường kinh doanh Việt Nam ngang hàng với trung bình các nước ASEAN 4;
- Tập trung cải thiện các chỉ số môi trường kinh doanh để năm 2018 tăng thêm từ 8 - 18 bậc trên bảng xếp hạng của Ngân hàng Thế giới; trong đó cải thiện mạnh mẽ các chỉ số hiện đang bị xếp hạng thấp, bao gồm: a) Khởi sự kinh doanh tăng thêm ít nhất 40 bậc; **b) Giải quyết tranh chấp hợp đồng tăng thêm 10 bậc; giải quyết phá sản doanh nghiệp tăng thêm 10 bậc.**

Nghị quyết 19-2018/NQ-CP

Chính phủ ủy quyền cho Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải thiện chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng và Giải quyết phá sản doanh nghiệp.

– Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao đăng tải thông tin về vụ việc phá sản, danh sách chủ nợ tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

– Bộ Tư pháp:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự bằng phương thức ngoài tố tụng tòa án theo hướng thống nhất, đồng bộ, đảm bảo hiệu lực thực thi và bảo vệ quyền sở hữu tài sản.
- Tập trung tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn công tác thi hành án dân sự và công tác xử lý phá sản...

- Bộ Tài nguyên Môi trường:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho ngành tòa án tiếp cận thông tin về đăng ký đất đai và tài sản gắn liền trên đất trong quá trình thực hiện giải quyết tranh chấp tài sản liên quan đến đất đai nhằm rút ngắn thời gian và phòng ngừa các sai lầm trong giải quyết tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại.

Nội dung

1

Phương pháp luận đánh giá
môi trường kinh doanh

I1

Yêu cầu của Nghị quyết 19 của
Chính phủ đối với hệ thống tư pháp

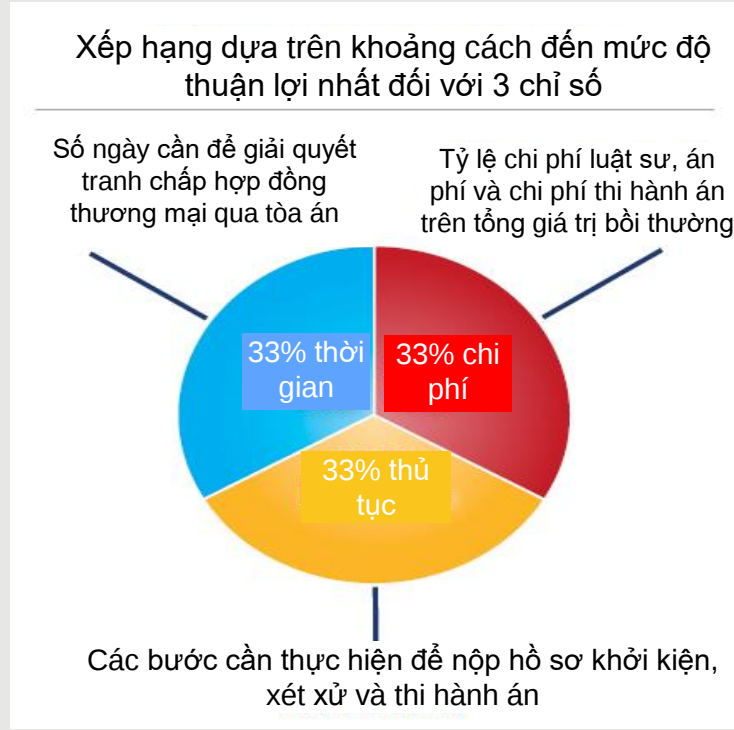
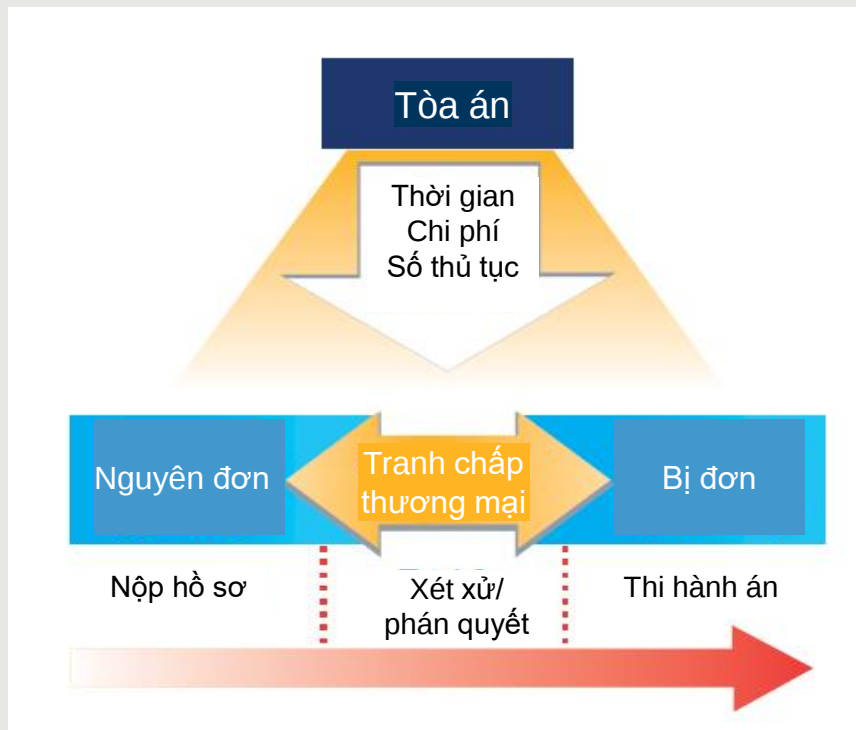
III

Đề xuất đối với hệ thống Tòa án để
cải thiện môi trường kinh doanh

THỰC THI HỢP ĐỒNG TẠI VIỆT NAM



Các yếu tố đo lường chỉ số Thực thi hợp đồng: Hiệu quả và Chất lượng



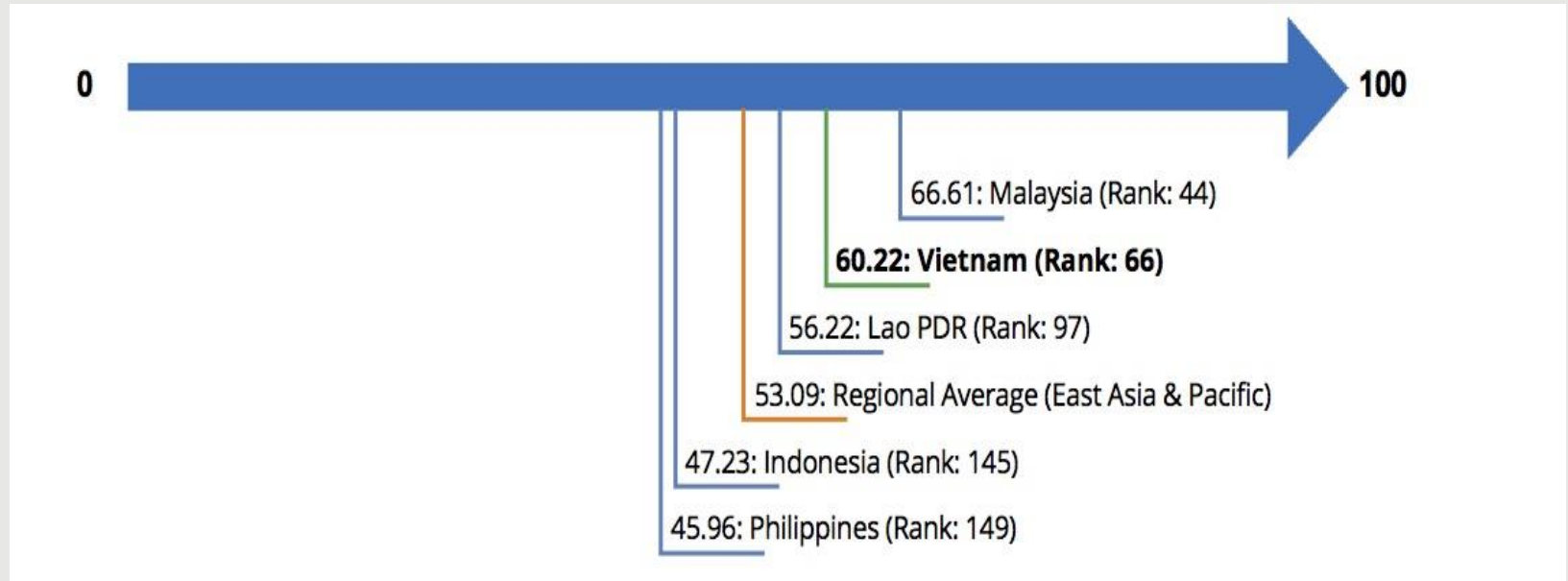
Chỉ số giải quyết tranh chấp 2017 (Báo cáo MTKD 2018)

Chỉ số	Việt Nam	Bình quân Châu Á và Thái Bình Dương
Hiệu quả giải quyết tranh chấp: Thời gian (ngày)	400	565,7
Nộp hồ sơ khởi kiện và tổng đạt về thông báo thụ lý	50	
Xét xử và phán quyết	200	
Thực thi phán quyết của tòa án	150	
Hiệu quả giải quyết tranh chấp: Chi phí (tỷ lệ % giá trị bồi thường)	29.0	47.3
Phí luật sư (tỷ lệ % giá trị bồi thường)	21.0	
Án phí (tỷ lệ % giá trị bồi thường)	5.0	
Phí thi hành án (tỷ lệ % giá trị bồi thường)	3.0	
Chất lượng của quy trình tố tụng	6.5	8.7
Cấu trúc và thủ tục tố tụng	3.0	
Quản lý vụ án	1.0	
Toà án tự động	0	
Giải quyết tranh chấp lựa chọn (trọng tài và hoà giải)	2.5	

Môi trường kinh doanh Việt Nam 2017

Chỉ số giải quyết tranh chấp hợp đồng

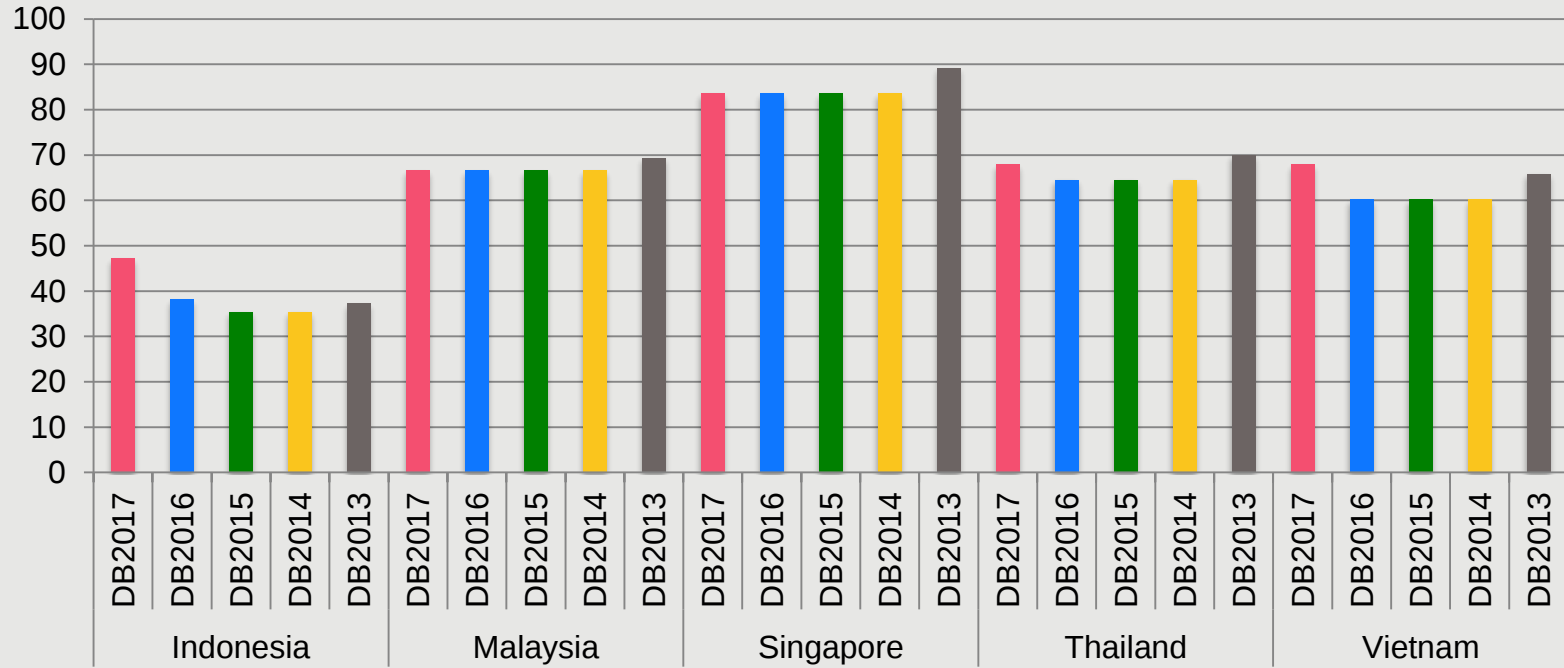
Khoảng cách tới quốc gia tốt nhất (100 điểm)



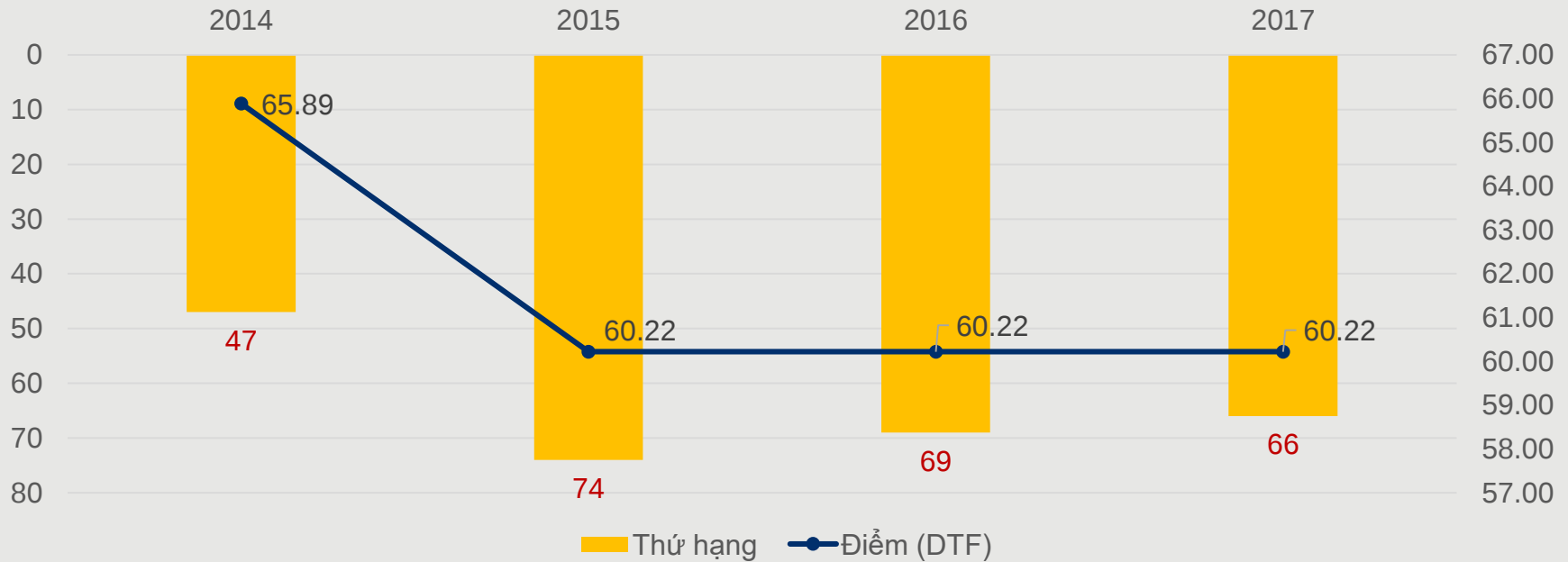
Rank = thứ hạng

theo Báo cáo MTKD 2018

So sánh kết quả chỉ số Thực thi hợp đồng trong ASEAN-4 (tính điểm tới quốc gia tốt nhất – DTF) (2013-2017)



Giải quyết tranh chấp hợp đồng 2014-2017

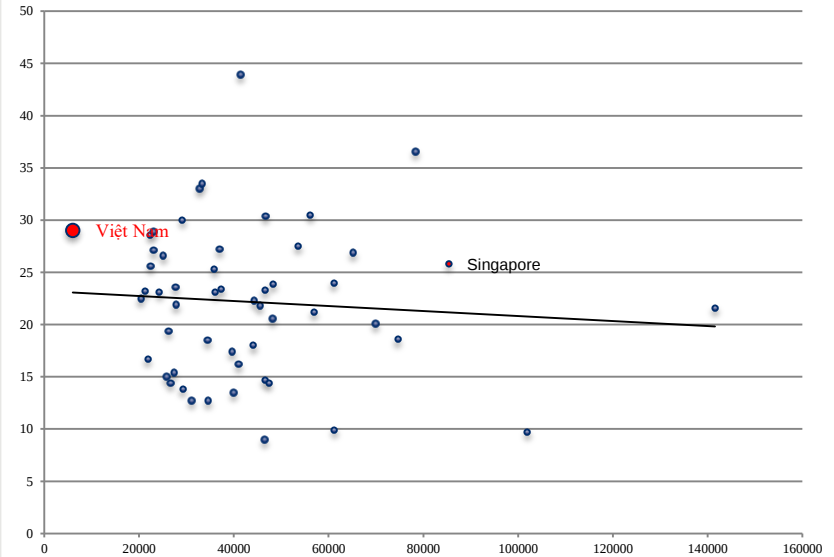


Giải quyết tranh chấp hợp đồng tuy tăng bậc trong 3 năm gần đây, nhưng không có thay đổi nào về điểm số.

Chi phí giải quyết tranh chấp

- Phân tích số liệu chi phí giải quyết tranh chấp với GDP bình quân đầu người cho thấy, Việt Nam khá hơn một số nước có cùng mức thu nhập về chi phí thực thi hợp đồng → chưa tạo ra điểm “nghẽn” trong phát triển kinh tế tại giai đoạn hiện tại nhưng sẽ là điểm “nghẽn” trong tương lai.
- So sánh giữa chi phí giải quyết tranh chấp với thời gian giải quyết tranh chấp, cho thấy nhiều quốc gia ở mức phát triển cao có thời gian giải quyết chấp dài nhưng lại có mức chi phí thấp.

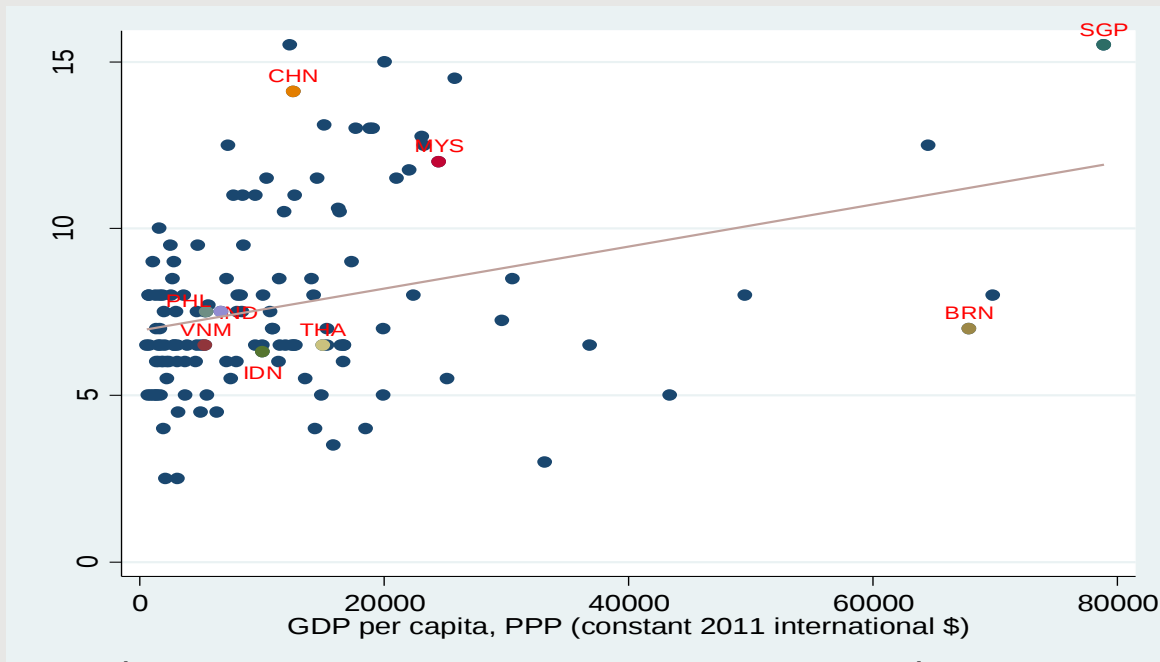
Chi phí giải quyết tranh chấp – VN với các quốc gia thu nhập cao



Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh 2017 (Ngân hàng thế giới)

Chất lượng quy trình tố tụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng

So sánh chất lượng quy trình tố tụng giữa một số quốc gia (bao gồm Việt Nam)



Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh 2017 (Ngân hàng thế giới)

- Chất lượng quy trình tố tụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng của Việt Nam so với các quốc gia có cùng mức thu nhập là kém hơn

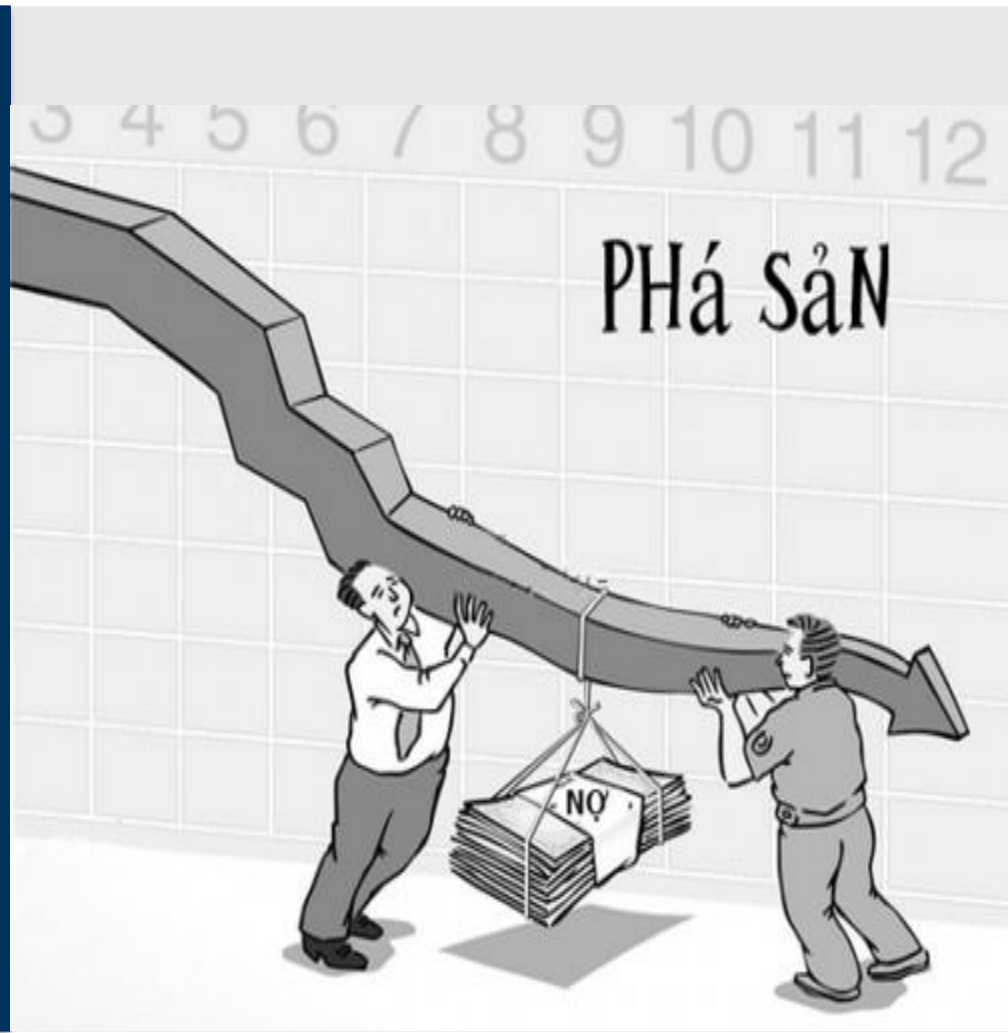
Chỉ số Thực thi hợp đồng của Việt Nam kể từ khi có Nghị quyết 19

- Các chỉ số thành phần về Thời gian, Chi phí, Chất lượng của quy trình tố tụng không thay đổi trong nhiều năm mặc dù Việt Nam đã ban hành Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi Luật Thi hành án dân sự... → những thay đổi lớn về quy định nhưng lại chưa được triệt để thi hành trên thực tế đối với các doanh nghiệp.
- Một số thay đổi lớn trong hoạt động của Tòa án nhưng doanh nghiệp chưa cảm nhận được sự thay đổi, như công khai bản án (giữa năm 2017); tiếp nhận đơn kiện, chứng cứ bằng phương thức điện tử (giữa năm 2017); hoà giải thương mại (hoạt động hoà giải ngoài tòa án); mô hình tổ hành chính tư pháp. Một số thay đổi chưa được áp dụng sâu rộng trên thực tế, như tiếp nhận đơn kiện, chứng cứ bằng phương thức điện tử và mô hình tổ hành chính tư pháp chưa áp dụng đầy đủ, triệt để trên toàn quốc.
- Mặc dù thứ hạng, điểm số của Việt Nam tới quốc gia tốt nhất có thay đổi qua một số năm nhưng là do các quốc gia khác đã có nhiều thay đổi đối với Chỉ số thực thi hợp đồng → tác động tiêu cực tới sức hấp dẫn của môi trường kinh doanh của Việt Nam.
- Riêng năm 2017, thị trường ghi nhận Việt Nam đã ban hành Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại → điểm số và thứ hạng của Việt Nam có tăng chút ít → chứng tỏ những cải cách thực tế dù nhỏ cũng phản ánh tới thị trường.

Một số vấn đề tồn tại trong giải quyết tranh chấp hợp đồng

- Cơ chế công nhận hoà giải bên cạnh và ngoài Toà án được công nhận tại BLTTDS 2015 nhưng mới được triển khai thí điểm → hoạt động hoà giải các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại chưa phát triển.
- Thông tin về tình trạng thi hành án dân sự có nhiều cải thiện so với các năm trước, đặc biệt các thông tin tại Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, việc tra cứu về tình trạng xử lý đơn đề nghị thi hành án dân sự chưa thực hiện được trực tuyến.
- Chưa có cơ chế phối hợp, liên thông cho việc xử lý án phí với thụ lý vụ án, và cung cấp bản án có hiệu lực pháp luật giữa hệ thống toà án và thi hành án.
- Hoạt động thi hành án đối với động sản còn nhiều lúng túng, như thi hành án đối với cổ phiếu đối với công ty cổ phần chưa niêm yết hay quyền góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn.

PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP



Các yếu tố được đo lường đối với chỉ số Phá sản doanh nghiệp

Tỷ lệ thu hồi

Cách tính bao gồm:

- ✓ Yếu tố thời gian;
- ✓ Chi phí; và
- ✓ Kết quả thực hiện quy trình thanh lý tài sản giải thể doanh nghiệp liên quan đến các tổ chức trong nước

Xếp hạng dựa trên khoảng cách đến mức độ thuận lợi nhất đối với 2 chỉ số



Hiệu quả của pháp luật phá sản

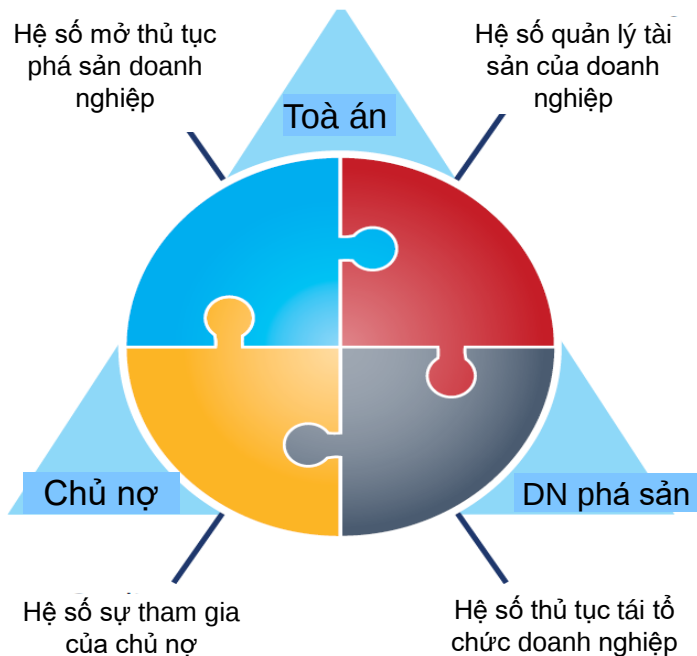
Dựa trên 4 hệ số cấu thành:

- ✓ Hệ số mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- ✓ Hệ số quản lý tài sản,;
- ✓ Hệ số thủ tục tái tổ chức doanh nghiệp; và
- ✓ Hệ số sự tham gia của chủ nợ

Tỷ lệ thu hồi trong giải quyết phá sản

Thời gian thu hồi nợ (năm)	Kết quả
Đo lường theo năm niên lịch	Liệu doanh nghiệp có tiếp tục hoạt động với những vấn đề hiện hữu hay là bán tài sản để thu hồi
Bao gồm cả thủ tục xem xét lại vụ án (ở các cấp tòa án cao hơn) và các yêu cầu về gia hạn thời gian	
Chi phí để thu hồi nợ (% trên tài sản)	Tỷ lệ thu hồi đối với chủ nợ có bảo đảm
Đo lường theo tỷ lệ giá trị tài sản	Đo lường tài sản thu hồi được (quy đổi theo giá trị tiền)
Lệ phí toà án	Tài sản thu hồi được tính theo giá trị hiện tại
Phí luật sư	Giá trị thu hồi trừ đi chi phí thực hiện thủ tục phá sản
Phí của thẩm định giá trị tài sản và đấu giá	Giá trị thu hồi có trừ đi giá trị khấu hao
Các khoản phí khác	Kết quả đối với doanh nghiệp (tồn tại hay đóng cửa) ảnh hưởng đến giá trị tối đa có thể thu hồi được

Hiệu quả pháp luật về phá sản doanh nghiệp



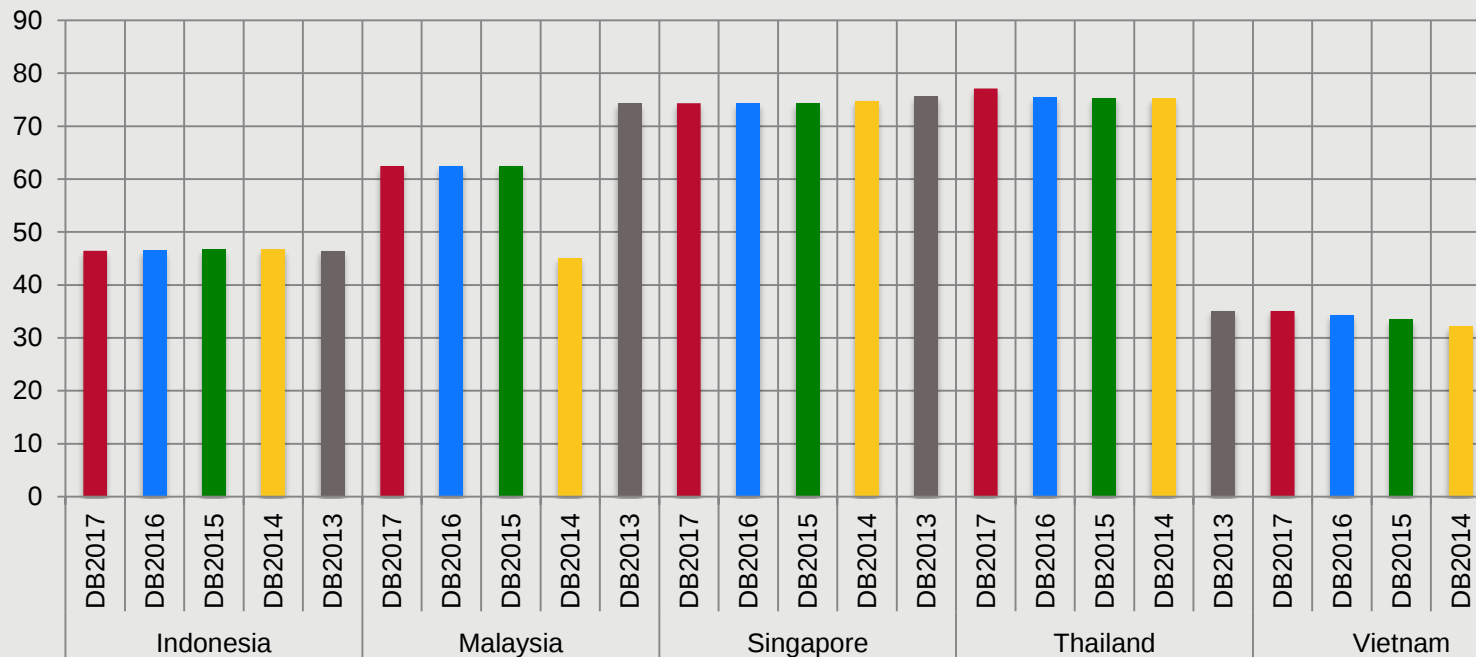
- Hệ số hiệu quả khung pháp luật phá sản được bổ sung vào bộ chỉ số này lần đầu trong Báo cáo MTKD 2015
- Hệ số này đánh giá xem mỗi quốc gia trong nghiên cứu có áp dụng các thông lệ tốt được thế giới công nhận trong 4 lĩnh vực sau:
 - ① Mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - ② Quản lý tài sản;
 - ③ Thủ tục tổ chức lại doanh nghiệp; và
 - ④ Sự tham gia của chủ nợ trong quy trình thanh lý tài sản giải thể doanh nghiệp

So sánh chỉ số Giải quyết phá sản trong ASEAN-4

	 Singapore	 Thái Lan	 Malaysia	 Indonesia	 Viet Nam
Xếp hạng chỉ số	27	26	46	72	129
Thời gian	0.8	1.5	1.0	1.9	5.0
Chi phí	4.0	18.0	10.0	21.6	14.5
Hiệu quả	1	1	1	1	0
Tỷ lệ thu hồi	88,7	68	81.3	64.7	21.8
Mở thủ tục phá sản	3.0	2.5	2.0	3.0	2.5
Quản lý tài sản của chủ nợ	4.0	5.0	2.0	5.0	3.0
Tổ chức lại kinh doanh	0.5	3.0	0	0.5	2.0
Tham gia của chủ nợ	1.0	2.0	2.0	2.0	0.0
Hệ số hiệu quả pháp luật phá sản	8.5	12.5	6.0	10.5	7.5

Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 (Ngân hàng thế giới)

So sánh kết quả chỉ số Giải quyết phá sản trong ASEAN-4 (tính điểm tới quốc gia tốt nhất – DTF) từ 2013-2017

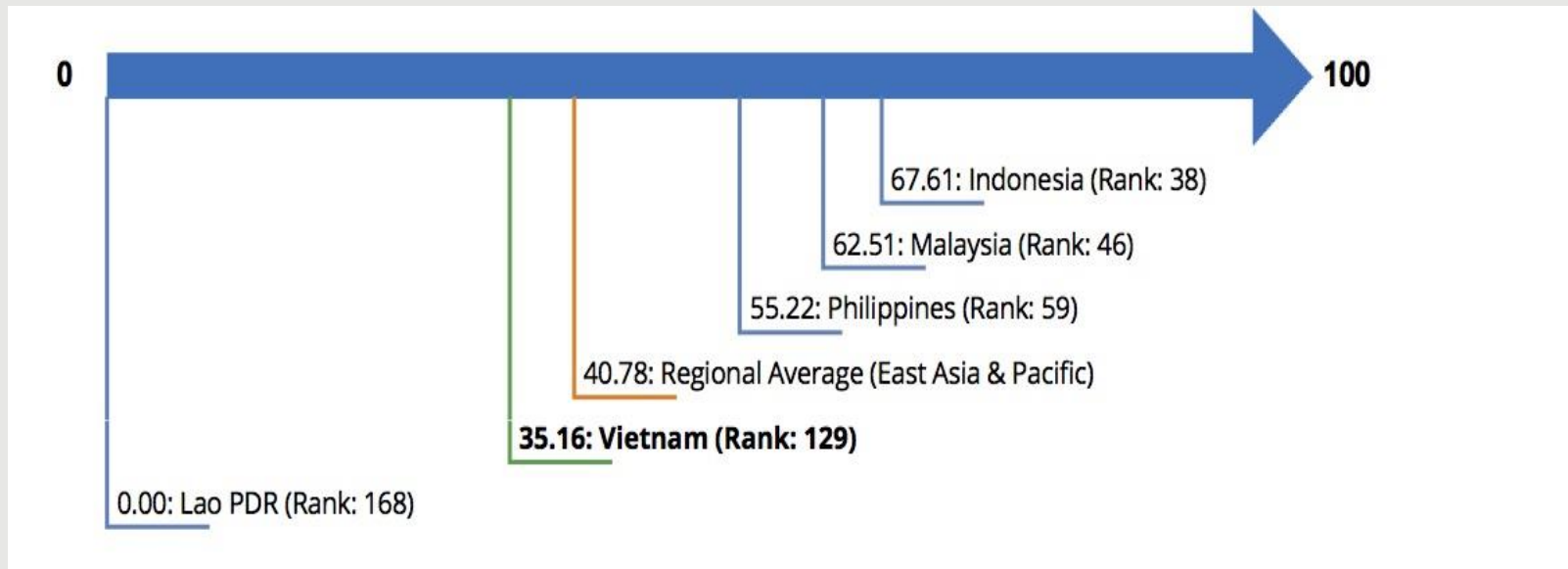


Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 (Ngân hàng thế giới)

Môi trường kinh doanh Việt Nam 2017

Chỉ số phá sản doanh nghiệp

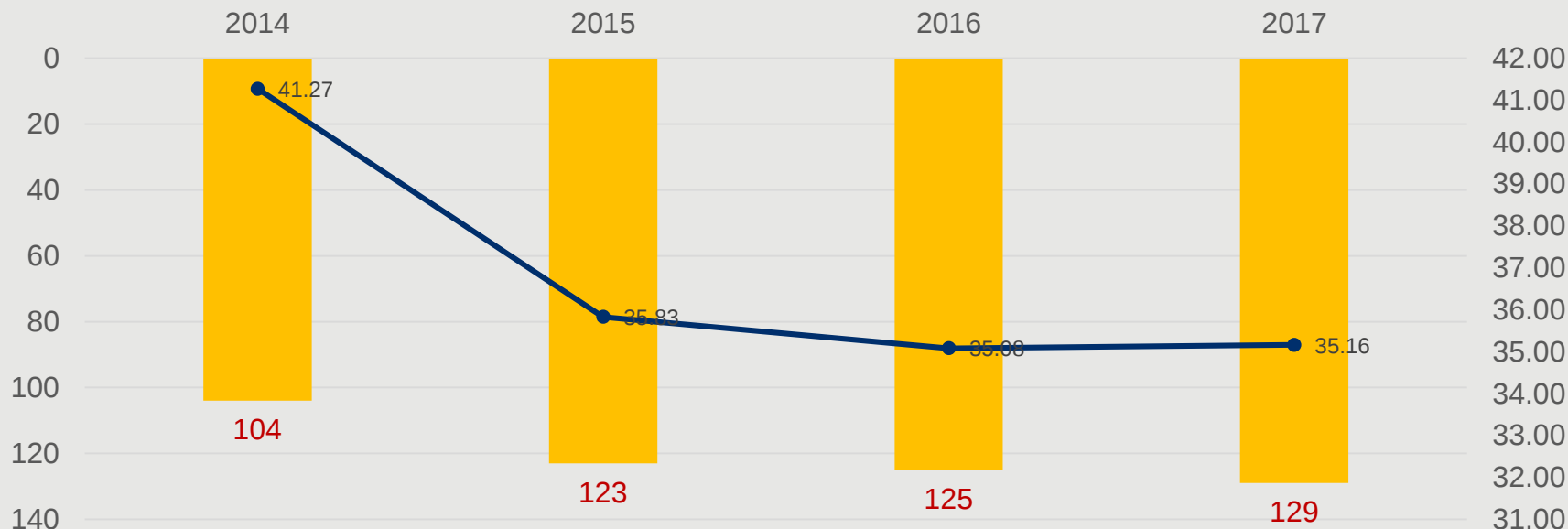
Khoảng cách tới quốc gia tốt nhất (100 điểm)



Rank = thứ hạng

theo Báo cáo MTKD 2018

Chỉ số Phá sản doanh nghiệp của Việt Nam kể từ khi có Nghị quyết 19



Giải quyết phá sản doanh nghiệp nhiều năm không có cải thiện đáng kể, thời gian kéo dài (5 năm), chất lượng quy định pháp lý còn hạn chế (7,5/16 điểm) và ở vị trí cuối bảng xếp hạng. Mặc dù Luật Phá sản 2014 tiếp cận theo thông lệ quốc tế (như quy định về quản tài viên...), nhưng chủ yếu tập trung vào xử lý phá sản, chưa chú trọng tới phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chỉ số Phá sản doanh nghiệp của Việt Nam kể từ khi có Nghị quyết 19 (tiếp)

- Khó khăn trong việc tra cứu thông tin liên quan tới các vụ việc phá sản ở một số địa phương. Cổng thông tin quốc gia chưa đăng tải thông tin về doanh nghiệp bị phá sản và danh sách chủ nợ.
- Không có thông tin về năng lực quản tài viên, đặc biệt các khoản tài viên có khả năng tổ chức lại kinh doanh của doanh nghiệp;
- Việc chỉ định quản tài viên chưa thống nhất, phí và các chi phí khác cho hoạt động của quản tài viên chưa được hướng dẫn cụ thể;
- Thời hạn kiểm kê tài sản ngắn và còn thiếu sự phối hợp giữa Thẩm phán, Quản tài viên, Chấp hành viên trong hoạt động xác minh tài sản.
- Một số mâu thuẫn giữa Luật Phá sản với Luật Thi hành án dân sự, Luật Đất đai... chưa được hướng dẫn → chậm trễ trong quá trình giải quyết phá sản.
- Hoạt động hoà giải chưa được thúc đẩy mạnh trong giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp của các chủ nợ.

Một số đề xuất, khuyến nghị

Việt Nam còn nhiều dư địa cải cách hoạt động của Tòa án để có thể cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, như:

- *Đơn giản hoá thủ tục hành chính trong hoạt động tại Tòa án:* áp dụng mô hình “một cửa”, sử dụng phương tiện điện tử để tiếp nhận đơn, hồ sơ, chứng cứ, chi trả án phí. Phương án đã thành công tại nhiều quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Malaysia, Canada... Phương án này đã được ghi nhận trong BLTTDS 2015 → cần triển khai áp dụng mạnh mẽ trên thực tế.
- *Thiết lập quy trình, xây dựng phần mềm quản lý vụ án và nâng cao năng lực quản lý thời gian giải quyết vụ việc tại Tòa án:* tất các các hoạt động giải quyết tranh chấp của Tòa án được quản lý chặt chẽ bằng công nghệ thông tin (một dạng thức của Tòa án điện tử). Cần thúc đẩy hoạt động giao dịch điện tử giữa Tòa án với doanh nghiệp theo quy định tại BLTTDS 2015.
- *Minh bạch hoá các hoạt động tố tụng tại Tòa án:* công khai các công việc của Tòa án trong hoạt động tố tụng. Phương án này cũng được thành công tại nhiều nền kinh tế. Đối với thủ tục phá sản, Tòa án cần công khai thông tin vụ việc phá sản theo đúng quy định của Luật Phá sản 2014 trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và Cổng thông tin đăng ký kinh doanh quốc gia.

Một số đề xuất, khuyến nghị

- *Xây dựng cơ chế phối hợp, liên thông giữa Tòa án và Cơ quan thi hành án*: cần xử lý việc thu án phí với thụ lý vụ án, và cung cấp bản án có hiệu lực pháp luật giữa hệ thống Tòa án và Cơ quan thi hành án sao cho đơn giản, thuận tiện hơn;
- *Thúc đẩy sự phát triển của cơ chế giải quyết tranh chấp lựa chọn (bao gồm trọng tài và hoà giải)*: phát triển các loại hình trọng tài, hoà giải, như (hoà giải vụ việc, hoà giải thương mại, hoà giải bên cạnh toà án); hạn chế và quản lý chặt chẽ việc tuyên huỷ phán quyết trọng tài hay chậm trễ trong việc công nhận quyết định hoà giải thành. Tòa án, Cơ quan thi hành án cần có các biện pháp hỗ trợ cho hoạt động giải quyết tranh chấp bằng hoà giải và trọng tài. Hoạt động hoà giải cũng cần được thúc đẩy trong thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hoạt động thi hành án;
- *Nghiêm chỉnh duy trì các cải cách của Tòa án, hoạt động tư pháp*: các quy định có tinh thần cải cách trong hoạt động tư pháp nên được triển khai áp dụng mạnh mẽ, triệt để.

CẢM ƠN !

Ls Nguyễn Hưng Quang
VPLS NHQuang&Cộng sự
quang@nhquang.com

